

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ GẠO
TỈNH TIỀN GIANG

Bản án số: 55/2025/HNGĐ-ST

Ngày 22 tháng 01 năm 2025

V/v tranh chấp “Ly hôn”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO, TỈNH TIỀN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huyền Ni.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Ngọc Ánh.

2. Ông Nguyễn Văn Bé.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Nguyễn Ái Quyên - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:** Ông Phạm Minh Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 01 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 486/2024/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 10 năm 2024 về tranh chấp “Ly hôn”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 271/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 12 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Triệu Thị Hồng N**, sinh năm 2003;

Địa chỉ: Ấp T, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: Anh **Cao Văn C**, sinh năm 1999;

Địa chỉ: Ấp T, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

(Vắng mặt chị N, anh C)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 16/10/2024 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là chị Triệu Thị Hồng N trình bày: Chị và anh Cao Văn C chung sống với nhau năm 2023, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang vào ngày 06/3/2023. Thời gian vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn do anh C đi làm ăn xa, không quan tâm và

chăm sóc gia đình. Vợ chồng đã sống ly thân từ đầu năm 2024, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu ly hôn với anh C.

Về con chung: Có 01 con chung là Cao Thái T, sinh ngày 15/4/2023. Chị N yêu cầu giao con chung cho chị nuôi dưỡng, yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn anh Cao Văn C đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không đến Tòa án và không có ý kiến gì.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký tòa án, Hội đồng xét xử và nguyên đơn từ khi thụ lý vụ án cho đến thời điểm Hội đồng xét xử chuẩn bị nghị án đều đúng theo trình tự do Bộ luật Tố tụng dân sự quy định.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N; giao con chung là Cao Thái T, sinh ngày 15/4/2023 cho chị N nuôi dưỡng, anh C cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi thẩm tra xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nghe lời trình bày và phát biểu tranh luận của đương sự, ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Chị Triệu Thị Hồng N khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh Cao Văn C nên đây là tranh chấp ly hôn được quy định tại Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2] Về tố tụng:

Ngày 28/11/2024, nguyên đơn chị Triệu Thị Hồng N có đơn xin vắng mặt. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn anh Cao Văn C đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh vắng mặt mà không có lý do. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh C theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về yêu cầu của đương sự:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Triệu Thị Hồng N và anh Cao Văn C kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được Ủy ban nhân dân xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn theo đúng quy định pháp luật nên hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp.

Xét thấy, từ khi thụ lý vụ án cho đến phiên tòa xét xử hôm nay, Tòa án đã triệu tập anh C đến Tòa án nhưng anh vắng mặt không có lý do và không đưa ra

được một biện pháp cụ thể nào để hàn gắn lại mối quan hệ vợ chồng nên anh đã mặc nhiên từ bỏ cơ hội để vợ chồng đoàn tụ với nhau. Chị N vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn. Đời sống vợ chồng giữa anh chị đã mâu thuẫn trầm trọng, tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt, cả hai không còn yêu thương quan tâm chăm sóc lẫn nhau và đã ly thân từ đầu năm 2024 nên mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3.2] Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân anh chị có con chung là Cao Thái T, sinh ngày 15/4/2023. Chị N yêu cầu giao con chung cho chị nuôi dưỡng. Xét thấy, cháu T dưới 36 tháng tuổi và đang sống với chị N, vì vậy để đảm bảo cho sự phát triển toàn diện, ổn định về tâm lý và cuộc sống của cháu thì Hội đồng xét xử xét thấy cần giao hai cháu cho chị N nuôi dưỡng, theo quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Chị N yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi mỗi con 1.500.000 đồng/tháng. Xét thấy, chị N có quyền yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con, anh C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chưa thành niên và mức cấp dưỡng chị N yêu cầu là phù hợp với quy định của pháp luật. Vì vậy, yêu cầu của chị N được Hội đồng xét xử chấp nhận theo Điều 83, Điều 110 và điều 116 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3.3] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[4] Đề nghị của Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo là có cơ sở và phù hợp với quy định pháp luật nên được chấp nhận.

[5] Về án phí: Chị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật. Anh C phải chịu án phí cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84, 110 và 116 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 266, 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ điểm a khoản 5, điểm đ khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Triệu Thị Hồng N.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Triệu Thị Hồng N được ly hôn với anh Cao Văn C;

- Về con chung: Giao con chung là Cao Thái T, sinh ngày 15/4/2023 cho chị Triệu Thị Hồng N nuôi dưỡng. Anh Cao Văn C phải cấp dưỡng nuôi con 1.500.000 đồng/tháng.

Thời gian thực hiện từ khi bản án có hiệu lực pháp luật đến khi chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo Điều 118 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Kể từ bản án có hiệu lực pháp luật, chị N có đơn yêu cầu thi hành án đối với số tiền cấp dưỡng, nếu anh C chậm thi hành án, thì hàng tháng còn phải chịu số tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án.

Anh C có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

2. Về án phí:

Chị N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp về hôn nhân và gia đình, chị đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0008097 ngày 18/10/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Gạo, nên chị đã nộp xong.

Anh C phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng.

3. Về quyền kháng cáo: Chị N và anh C có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND h. Chợ Gạo;
- Chi cục THADS h. Chợ Gạo;
- UBND xã L, h. Chợ Gạo;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Huyền Ni